

Số: 1588373

|                                                | Mazda6 2.0L Premium          | Mazda6 2.0L Premium GTCCC |
|------------------------------------------------|------------------------------|---------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>809.000.000đ</b>          | <b>790.000.000đ</b>       |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                              |                           |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4865 x 1840 x 1450           |                           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2830                         |                           |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5600                         |                           |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 165                          |                           |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1520                         |                           |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 1970                         |                           |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 480                          |                           |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 62                           |                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                            |                           |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước             |                           |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                              |                           |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.0L              |                           |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 1998                         |                           |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 154 / 6000                   |                           |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 200 / 4000                   |                           |
| Hộp số                                         | 6AT                          |                           |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)              |                           |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson           |                           |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm             |                           |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                          |                           |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                          |                           |
| Thông số lốp xe                                | 225/45 R19                   |                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.35                         |                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 4.93                         |                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.55                         |                           |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                            |                           |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                 |                           |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                              |                           |
| Cụm đèn trước                                  | LED                          |                           |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                            |                           |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH |                           |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                            |                           |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                            |                           |
| Đèn sương mù                                   | LED                          |                           |
| Cụm đèn sau                                    | LED                          |                           |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                            |                           |
| Gạt mưa tự động                                | ●                            |                           |
| Cửa sổ trời                                    | -                            |                           |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                              |                           |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                            |                           |
| Chất liệu ghế                                  | Da                           |                           |

|                                      |                         |
|--------------------------------------|-------------------------|
| Ghế người lái chỉnh điện             | ●                       |
| Ghế người lái có nhớ vị trí          | ●                       |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện | ●                       |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát  | ●                       |
| Kính cửa sổ chỉnh điện               | ●                       |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin        | Analog & Digital        |
| Màn hình HUD                         | ●                       |
| Màn hình giải trí trung tâm          | 8"                      |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto   | ●                       |
| Hệ thống điều hòa tự động            | ●                       |
| Số vùng khí hậu điều hòa             | 2                       |
| Cửa gió cho hàng ghế sau             | ●                       |
| Chìa khóa thông minh                 | ●                       |
| Khởi động nút bấm                    | ●                       |
| Hệ thống âm thanh                    | 11 loa Bose             |
| Lấy chuyển số                        | ●                       |
| Sạc không dây Qi                     | ●                       |
| Phanh đỗ điện tử                     | ●                       |
| Giữ phanh tự động Autohold           | ●                       |
| Rèm che nắng                         | ● (Chỉnh điện phía sau) |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX           | ●                       |

#### **AN TOÀN:**

|                                                 |                |
|-------------------------------------------------|----------------|
| Số túi khí                                      | 6              |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●              |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●              |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●              |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●              |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●              |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●              |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau    |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●              |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●              |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●              |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●              |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●              |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360) |